

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt trữ lượng mỏ quặng antimon Khòn Rẹ,  
xã Mai Sao, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn**

**UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 239/QĐ-BTNMT ngày 30/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt kết quả khoan định khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đợt 3;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-UBND ngày 26/8/2008 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản tỉnh Lạng Sơn đến năm 2010, định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số 19/GP-UBND ngày 14/5/2015 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Xuân Cường;

Xét hồ sơ của Công ty TNHH Xuân Cường đề nghị phê duyệt trữ lượng mỏ quặng antimon Khòn Rẹ, xã Mai Sao, huyện Chi Lăng, nộp ngày 10/6/2015;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 392/TTr-STNMT ngày 01/7/2015,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt trữ lượng khoáng sản antimon trong “Báo cáo kết quả thăm dò mỏ quặng antimon Khòn Rẹ, xã Mai Sao, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn” với nội dung sau:

1. Khoáng sản chính: Tổng trữ lượng cấp 122 là 10.169,36 tấn quặng antimon.

2. Khoáng sản đi kèm: Không có.

**Điều 2.** Các tài liệu của báo cáo được sử dụng để lập Dự án đầu tư khai thác mỏ và giao nộp lưu trữ địa chất.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Công thương, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Chủ tịch UBND huyện Chi Lăng, Chủ tịch UBND xã Mai Sao, Giám đốc Công ty TNHH Xuân Cường và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:** *AB*

- Như Điều 3;
- Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở TN&MT (03b);
- PVP, KTN, TH;
- Lưu: VT, (HẠNH).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lý Vinh Quang**

Số: 392 /TTr-STNMT

Lạng Sơn, ngày 07 tháng 7 năm 2015

### TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt trữ lượng mỏ quặng antimon Khòn Rẹ,  
xã Mai Sao, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 239/QĐ-BTNMT ngày 30/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt kết quả khoan định khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đợt 3;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-UBND ngày 26/8/2008 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản tỉnh Lạng Sơn đến năm 2010, định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số 19/GP-UBND ngày 14/5/2015 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Xuân Cương;

Xét hồ sơ của Công ty TNHH Xuân Cương đề nghị phê duyệt trữ lượng mỏ quặng antimon Khòn Rẹ, xã Mai Sao, huyện Chi Lăng, nộp ngày 10/6/2015,

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương, Sở Xây dựng thẩm định báo cáo kết quả thăm dò mỏ quặng antimon Khòn Rẹ, kết quả như sau:

1. Mỏ antimon Khòn Rẹ được UBND tỉnh cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản số 19/GP-UBND ngày 14/5/2015 Công ty TNHH Xuân Cương với diện tích khu vực thăm dò 09 ha; Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên mã số doanh nghiệp 4900239185 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp, đăng ký lần đầu ngày 10/02/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 24/3/2014, trong đó có ngành, nghề kinh doanh: “*Khai thác quặng kim loại không chứa sắt, quặng kim loại quý hiếm, đá, cát, sỏi, đất sét, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác,...*”. Để thăm dò, đánh giá trữ lượng mỏ quặng antimon Khòn Rẹ, Công ty đã hợp đồng với đơn vị tư vấn (Liên đoàn Địa chất Đông Bắc) đủ điều kiện hành nghề thăm dò khoáng sản theo quy định tại Điều 35 Luật Khoáng

sản năm 2010 và Điều 3 Thông tư số 17/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về điều kiện của tổ chức hành nghề thăm dò khoáng sản.

2. Kết quả thực hiện các công trình thăm dò:

- Thực hiện đầy đủ các công trình thăm dò so với Đề án thăm dò đã được phê duyệt, cụ thể:

+ Đối với công tác địa chất: Đo vẽ lập bản đồ địa chất, địa chất công trình tỷ lệ 1/2 000: 0,9 km<sup>2</sup>.

+ Công tác trắc địa: Lập lưới giải tích cấp 2 (đo GPS) 04 điểm, lập lưới đường sườn kinh vĩ 04 điểm, đo vẽ lập bản đồ địa hình tỷ lệ 1/2 000: 0,9 km<sup>2</sup>, chuyển vị trí điểm thăm dò từ bản đồ ra thực địa và ngược lại 27 điểm.

+ Lấy, gia công, phân tích: 32 mẫu lõi khoan, 43 mẫu hóa cơ bản, 06 mẫu cơ lý đá, 11 mẫu rãnh, 04 mẫu cơ lý đất, 04 mẫu nước.

- Phương pháp tính trữ lượng khoáng sản: Theo phương pháp bình số học trên phần mềm máy tính, sử dụng phương pháp khối địa chất (chiều theo bình đồ chiếu đứng) dựa vào các thông số diện tích, bề dày, thể trọng, thể tích, hàm lượng có áp dụng hệ số điều chỉnh nên đủ độ tin cậy, xác định trữ lượng cấp 122 là 10.169,36 tấn quặng antimon tương đương với 197,6 tấn kim loại antimon (Sb).

3. Độ tin cậy về trữ lượng, hàm lượng, chất lượng khoáng sản chính và khoáng sản có ích đi kèm:

- Khoáng sản chính (antimon): Đã phân tích mẫu hóa cơ bản, phân tích mẫu đúp, mẫu đối song, mẫu cơ lý đất, mẫu cơ lý đá, mẫu nước. Kết quả nghiên cứu thành phần vật chất của quặng antimon bằng các phương pháp có độ tin cậy để đưa ra phương pháp tuyển hợp lý.

- Khoáng sản đi kèm: Trong khu vực thăm dò không có khoáng sản đi kèm.

4. Độ tin cậy về các điều kiện địa chất thủy văn, địa chất công trình liên quan đến nghiên cứu khả thi khai thác khoáng sản: Việc xác định các thông số tính trữ lượng được dựa trên các điều kiện kinh tế xã hội, địa chất thủy văn, địa chất công trình liên quan đến nghiên cứu khả thi khai thác khoáng sản và điều kiện khai thác mỏ đủ độ tin cậy để lập thiết kế khai thác mỏ bằng phương pháp hầm lò.

5. Bố cục và nội dung báo cáo kết quả thăm dò được lập theo Phụ lục 33 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Tuy nhiên, phần mở đầu Thuyết minh Báo cáo chưa nêu đầy đủ cơ sở pháp lý lập báo cáo, Chương I chưa nêu hiện trạng hoạt động khai thác khoáng sản trước đây nhưng không ảnh hưởng đến kết quả tính trữ lượng của mỏ.

6. Hồ sơ đề nghị phê duyệt trữ lượng được lập theo quy định tại Khoản 1 Điều 50 Luật Khoáng sản năm 2010.

Từ những kết quả thăm định trên, Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh:

- Phê duyệt trữ lượng khoáng sản antimon trong “Báo cáo kết quả thăm dò mỏ quặng antimon Khòn Rẹ, xã Mai Sao, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn” với nội dung như sau:

+ Khoáng sản chính: Tổng trữ lượng cấp 122 là 10.169,36 tấn quặng antimon.

+ Khoáng sản đi kèm: Không có.

- Các tài liệu của báo cáo được sử dụng để lập Dự án đầu tư khai thác mỏ và giao nộp lưu trữ địa chất.

Sở Tài nguyên và Môi trường kính trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lãnh đạo Sở;
- Công ty TNHH Xuân Cường;
- Lưu: VT, KS, Th.

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đình Duyệt

THE UNITED STATES OF AMERICA  
DEPARTMENT OF THE ARMY  
OFFICE OF THE ADJUTANT GENERAL



OFFICE OF THE ADJUTANT GENERAL  
WASHINGTON, D. C.

FOR THE ADJUTANT GENERAL

AND FOR THE ADJUTANT GENERAL  
OF THE ARMY  
OFFICE OF THE ADJUTANT GENERAL  
WASHINGTON, D. C.

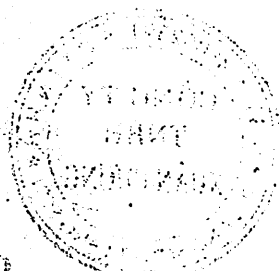
OFFICE OF THE ADJUTANT GENERAL  
WASHINGTON, D. C.  
OFFICE OF THE ADJUTANT GENERAL  
WASHINGTON, D. C.  
OFFICE OF THE ADJUTANT GENERAL  
WASHINGTON, D. C.

OFFICE OF THE ADJUTANT GENERAL  
WASHINGTON, D. C.  
OFFICE OF THE ADJUTANT GENERAL  
WASHINGTON, D. C.

OFFICE OF THE ADJUTANT GENERAL  
WASHINGTON, D. C.  
OFFICE OF THE ADJUTANT GENERAL  
WASHINGTON, D. C.

OFFICE OF THE ADJUTANT GENERAL  
WASHINGTON, D. C.  
OFFICE OF THE ADJUTANT GENERAL  
WASHINGTON, D. C.

OFFICE OF THE ADJUTANT GENERAL  
WASHINGTON, D. C.



DOUG MAID  
MAID MAID MAID



**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



Lạng Sơn, ngày 10 tháng 6 năm 2015

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn

Công ty TNHH Xuân Cường

Trụ sở tại: 175 Trần Đăng Ninh, phường Tam Thanh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Điện thoại: 0253 854 457, Fax.0253 854 457

Đã hoàn thành công tác thi công các công trình thăm dò mỏ quặng antimon Khòn Rẹ, xã Mai Sao, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số 19/GP-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Công ty TNHH Xuân Cường đã thành lập báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản (tên báo cáo) “Thăm dò mỏ quặng antimon Khòn Rẹ, xã Mai Sao, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn”.

Công ty TNHH Xuân Cường xin chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về tính trung thực, chính xác của các tài liệu nguyên thủy trong nội dung báo cáo.

Công ty TNHH Xuân Cường kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn thẩm định, xét và phê duyệt trữ lượng khoáng sản./.

**CÔNG TY TNHH XUÂN CƯỜNG**



**GIÁM ĐỐC**  
*Lê Thị Xuân*

BẢN SAO

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ  
TỈNH LẠNG SƠN  
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 4900239158

**CHUNG THỰC**  
BẢN SAO NÀY ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Đăng ký lần đầu: ngày 10 tháng 02 năm 2006

01-04-2015

Đăng ký thay đổi lần thứ 9: ngày 24 tháng 03 năm 2014

Số: 533...SCT/ES

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XUÂN CƯƠNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

Số 175, đường Trần Đăng Ninh, Phường Tam Thanh, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam

Điện thoại: 025. 6255 297

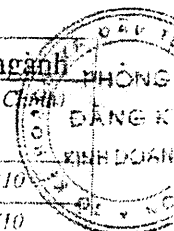
Fax: 025. 6255 297

Email:

Website:

**3. Ngành, nghề kinh doanh**

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221 (CHÍNH)
2	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
3	Khai thác quặng sắt	0710
4	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
5	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
6	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
7	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
8	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác	0990
9	Xây dựng nhà các loại	4100
10	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
11	Xây dựng công trình công ích	4220
12	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
13	Phá dỡ	4311
14	Chuẩn bị mặt bằng	4312
15	Lắp đặt hệ thống điện	4321





STT	Tên ngành	Mã ngành
16	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
17	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
18	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4330
19	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4041
20	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4049
21	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4053
22	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4059
23	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4061
24	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4062
25	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4063
26	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu	4069
27	Bán buôn tổng hợp	4090
28	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
29	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
30	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
31	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
32	Bán lẻ đồ ngủ kim, son, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
33	Bán lẻ thảm, đèn, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
34	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đầu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
35	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
36	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4932
37	Vận tải hành khách đường bộ khác	4933
38	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	5210
39	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5224
40	Bốc xếp hàng hóa	5229
41	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5310
42	Dịch vụ lưu trữ ngắn ngày	5610
43	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5629
44	Dịch vụ ăn uống khác	

STT	Tên ngành	Mã ngành
45	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
46	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn nông sản, hoa quả	4632
47	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
48	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
49	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
50	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
51	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
52	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
53	Ghi chú: Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được hoạt động kinh doanh khi đã đảm bảo điều kiện theo quy định của pháp luật	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

4. Vốn điều lệ 29.800.000.000 đồng

Bằng chữ: Hai mươi chín tỷ tám trăm triệu đồng

#### 5. Vốn pháp định

#### 6. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị phần vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; MSDN đối với doanh nghiệp. Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	LÊ THỊ XUÂN	Số 175, Trần Đăng Ninh, Phường Tam Thanh, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam	22.000.000.000	73,80	080955938	
2	NGUYỄN HỒNG CƯƠNG	Số 175, đường Trần Đăng Ninh, Phường Tam Thanh, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam	7.800.000.000	26,20	080955939	



7. Người đại diện theo pháp luật của công ty

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc

Họ và tên: LÊ THỊ XUÂN

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 10/10/1973

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Giấy chứng minh nhân dân

Số: 080955938

Ngày cấp: 28/10/2004

Nơi cấp: Công an tỉnh Lạng Sơn

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số 175, Trần Đăng Ninh, Phường Tam Thanh, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Số 175, Trần Đăng Ninh, Phường Tam Thanh, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam

8. Thông tin về chi nhánh

9. Thông tin về văn phòng đại diện

10. Thông tin về địa điểm kinh doanh

TRƯỞNG PHÒNG



UBND XÃ MAI PHA  
CHỦ TỊCH  
Phan Thanh Lương



Nguyễn Phúc Hoài Nam

Số: 03 /PNT

Lạng Sơn, ngày 28 tháng 5 năm 2015

**PHIẾU NGHIỆM THU NGOÀI THỰC ĐỊA KHỐI LƯỢNG  
CÔNG VIỆC, ĐÃ THI CÔNG**

**Tên công việc, sản phẩm:** Công tác ĐCTV - ĐCCT

**Đề án:** “Thăm dò bổ sung nâng cấp trữ lượng mỏ quặng antimon khu Khòn Rẹ, xã Mai Sao, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn”

- Căn cứ Hợp đồng kinh tế số: 70/HĐKT ngày 10/3/2015 giữa Công ty TNHH Xuân Cương và Liên đoàn địa chất Đông Bắc về việc: “Thăm dò bổ sung nâng cấp trữ lượng mỏ quặng antimon khu Khòn Rẹ, xã Mai Sao, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn”

- Căn cứ vào Quyết định số 18.70/QĐ-ĐCĐB ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Liên đoàn Địa chất Đông Bắc về việc giao cho Đoàn Địa chất 116 thi công đề án: “Thăm dò bổ sung nâng cấp trữ lượng mỏ quặng antimon khu Khòn Rẹ, xã Mai Sao, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn”

**A. Thành phần tham gia nghiệm thu:**

**1. Đơn vị nghiệm thu:** Công ty TNHH XUÂN CƯƠNG

**Cán bộ giám sát:**

- Ông (bà): Mai Việt Anh

- Ông (bà): Nguyễn Quang Tường

**2. Đơn vị thi công:** Liên đoàn Địa chất Đông Bắc

- Đại diện những người thực hiện: Nông Văn Bằng – Tổ trưởng

- Kỹ thuật thi công: Nguyễn Văn Hân

- Chủ nhiệm đề án: Nguyễn Văn Tường

**B. Nghiệm thu công việc, sản phẩm:** Công tác ĐCTV - ĐCCT.

Từ ngày 15 tháng 5 năm 2015, đến ngày 28 tháng 5 năm 2015.

**1. Đánh giá chất lượng:** Đạt yêu cầu kỹ thuật

**2. Bảng khối lượng thi công.**

Số TT	Dạng công tác	Đơn vị tính	Khối lượng được giao	Khối lượng đề nghị nghiệm thu	Ghi chú
1	Đo vẽ ĐCTV-ĐCCT tỷ lệ 1/2000				
	- Thực địa	km <sup>2</sup>	0.09		
	- Văn phòng	km <sup>2</sup>	0.09		
2	Quan trắc động thái nước				
	- Nước mặt	lần đo	20		
	- Nước dưới đất	lần đo	20		
	- Văn phòng	100SL	0.4		
3	Công tác lấy mẫu				
	- Hoá nước	Mẫu	4		
	- Cơ lý đất	Mẫu	2		
	- Cơ lý đá	Mẫu	6		
4	- Thu thập tài liệu khí tượng thủy văn	Năm	2		

4. Nguyên nhân:


Hơn 2ha, khô lũng theo thiết  
hệ của đề án

5. Kết luận chung về mức độ hoàn thành công trình đề thi công các bước tiếp theo:


Đảm bảo đúng tiến độ và chất lượng

6. Những đề nghị cần giải quyết tiếp:

Đại diện những người  
thực hiện

  
Nguyễn Văn Hân

Chủ nhiệm đề án

  
Nguyễn Văn Tiếu

Cán bộ giám sát

  
Mai Việt Sơn

**GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

**Mỏ quặng Antimon Khòn Rẹ, xã Mai Sao, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 239/QĐ-BTNMT ngày 30/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt kết quả khoan định khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đợt 3;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-UBND ngày 26/8/2008 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản tỉnh Lạng Sơn đến năm 2010, định hướng đến năm 2020;

Xét Đơn, hồ sơ của Công ty TNHH Xuân Cường đề nghị cấp giấy phép thăm dò mỏ quặng antimon Khòn Rẹ, xã Mai Sao, huyện Chi Lăng nộp ngày 07/4/2015;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 287/TTr-STNMT ngày 13/5/2015,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho phép Công ty TNHH Xuân Cường được thăm dò mỏ quặng Antimon Khòn Rẹ, xã Mai Sao, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- Diện tích khu vực thăm dò: 9,0 ha, được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối các điểm khếp góc I, II, III, IV có toạ độ xác định theo Phụ lục số 01 và Phụ lục số 02 Giấy phép này.

- Thời hạn thăm dò: 06 tháng, kể từ ngày ký Giấy phép.

- Khối lượng thăm dò chủ yếu theo Phụ lục số 03 Giấy phép này.

- Chi phí thăm dò: Bằng nguồn vốn của Công ty (Đơn giá áp dụng theo các quy định hiện hành của Nhà nước).

**Điều 2.** Công ty TNHH Xuân Cường có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép thăm dò khoáng sản và các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Thực hiện thăm dò quặng antimon theo phương pháp, khối lượng quy định tại Điều 1 Giấy phép này; Đề án đã được UBND tỉnh chấp thuận và theo các



quy định khác của pháp luật có liên quan; thi công các hạng mục công việc đúng quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn lao động, bảo vệ môi trường; thu thập và tổng hợp đầy đủ, chính xác các tài liệu, kết quả thăm dò; kiểm tra và chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng và tính trung thực của tài liệu thực tế thi công; bảo quản lưu giữ đầy đủ các tài liệu nguyên thủy, tài liệu thực tế có liên quan và các mẫu vật địa chất, khoáng sản theo quy định hiện hành.

3. Bảo vệ tài nguyên khoáng sản; nghiêm cấm mọi hoạt động khai thác trong quá trình thăm dò. Nếu phát hiện các khoáng sản khác, Công ty phải kịp thời có văn bản báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường để xử lý theo quy định.

4. Tiến hành phân tích các loại mẫu, làm rõ chất lượng, trữ lượng quặng antimon. Trước khi lấy mẫu công nghệ, phải đăng ký khối lượng, vị trí, thời gian, phương pháp lấy mẫu tại Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra ngoài thực địa và giám sát thực hiện.

5. Thực hiện đúng chế độ báo cáo định kỳ theo quy định hiện hành.

6. Nộp báo cáo kết quả thăm dò tại Sở Tài nguyên và Môi trường để thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt; nộp báo cáo vào lưu trữ địa chất theo quy định hiện hành.

**Điều 3.** Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. 1070 01

Hoạt động thăm dò khoáng sản theo giấy phép này, Công ty TNHH Xuân Cương chỉ được phép thực hiện sau khi thông báo chương trình, khối lượng thăm dò cho Sở Tài nguyên và Môi trường và chính quyền địa phương để phối hợp quản lý, kiểm tra và xác định cụ thể diện tích, tọa độ, mốc giới khu vực thăm dò tại thực địa./.

Nơi nhận: 10

- Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: TN&MT(02b), CT, XD, KH&ĐT;
- UBND huyện Chi Lăng;
- UBND xã Mai Sao, huyện Chi Lăng;
- Công ty TNHH Xuân Cương;
- CPVP, KTN, TH;
- Lưu: VT, (HẠNH).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lý Vĩnh Quang

**Giấy phép thăm dò khoáng sản này đã được đăng ký  
Nhà nước tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn.**

Số đăng ký: ...01... /ĐK-TD

Lạng Sơn, ngày 18 tháng 5 năm 2015

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đình Duyệt



UBND PHƯỜNG VINH TRẠI  
PHÓ CHỦ TỊCH  
Phạm Nguyệt Lê

**RANH GIỚI TỌA ĐỘ KHU VỰC THĂM DÒ MỎ QUẶNG  
ANTIMON KHÔNG RẺ KÁ MA SẮC, HUYỆN CHI LĂNG, TỈNH LẠNG SƠN**  
(Kèm theo Giấy phép thăm dò số: 19 /GP-UBND  
ngày 14/6/2015 của UBND tỉnh)

Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000 (kinh tuyến trục 107 <sup>0</sup> 15' mũi chiếu 3 <sup>0</sup> )	
	X (m)	Y (m)
I	2401 831	434 301
II	2401 909	434 471
III	2401 455	434 677
IV	2401 372	434 532
Diện tích: 9,0 ha		





**KHỐI LƯỢNG CÁC HẠNG MỤC CÔNG TÁC THĂM DÒ CHỦ YẾU**  
(Kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số. 19./GP-UBND  
ngày 18/15/2015 của UBND tỉnh)

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Công tác trắc địa</b>			
1	Thành lập lưới giải tích cấp 2 (đo GPS)	điểm	04	
2	Lập đường sườn kinh vĩ	điểm	04	
3	Đo công trình chủ yếu ra thực địa và ngược lại	điểm	04	
4	Đo công trình thứ yếu và đưa vào bản đồ	điểm	06	
5	Đo vẽ thành lập bản đồ địa hình tỷ lệ 1:2000 (h= 2m)	km <sup>2</sup>	0,09	
<b>II</b>	<b>Đo vẽ bản đồ địa chất</b>			
1	Đo vẽ ĐCCT- ĐCTV tỷ lệ 1/2000			
1.1	- Công tác ngoài thực địa	km <sup>2</sup>	0,09	
1.2	- Công tác văn phòng	km <sup>2</sup>	0,09	
2	Quang trắc động thái nước			
2.1	Nước mặt	điểm	20	
2.2	Nước dưới đất	điểm	20	
<b>III</b>	<b>Công tác thi công công trình</b>			
1	Đào giếng thăm dò	m	14	
2	Đào lò	m	312,5	
3	Khoan thăm dò	m	959,4	
<b>IV</b>	<b>Công tác lấy, gia công, phân tích mẫu</b>			
1	Lấy mẫu			
1.1	Lấy mẫu nước	mẫu	4	
1.2	Lấy mẫu cơ lý đất	mẫu	2	
1.3	Lấy mẫu cơ lý đá	mẫu	6	
1.4	Mẫu rãnh	mẫu	11	
1.5	Mẫu lõi khoan	Mẫu	32	
2	Gia công mẫu			
2.1	Gia công mẫu rãnh	mẫu	11	
2.2	Gia công mẫu lõi khoan	mẫu	32	
3	Phân tích mẫu			
3.1	Hóa cơ bản (Sb; As)	Mẫu	43	

3.2	Thí nghiệm mẫu cơ lý đá toàn diện	mẫu	6	
3.3	Thí nghiệm mẫu cơ lý đất toàn diện	mẫu	2	
3.4	Thí nghiệm mẫu nước toàn diện	mẫu	4	
V	<b>Lập báo cáo tổng kết</b>			
	Lập báo cáo tổng kết	bộ	01	

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Thời lượng	Chi phí
1	Công tác khảo sát	giờ	04	
1	Thăm sát lưới địa chất (độ 1:200)	giờ	04	
1	Lập dự án thiết kế	giờ	04	
2	Đo công trình xây dựng và thực địa về nước lại	giờ	04	
4	Đo công trình xây dựng và thực địa về đất	giờ	04	
2	Đo vẽ thực địa bản đồ địa hình 1:2000	km <sup>2</sup>	0.00	
1	Đo vẽ bản đồ địa chất	km <sup>2</sup>	0.00	
1	Đo vẽ BCGT - BCTV 1:12000	km <sup>2</sup>	0.00	
1.1	Công tác ngoại thực địa	km <sup>2</sup>	0.00	
1.2	Công tác văn phòng	km <sup>2</sup>	0.00	
2	Quang trắc công trình	giờ	20	
2	Nước mặt	giờ	20	
2	Nước dưới đất	giờ	20	
1.1	Công tác đo đạc công trình	giờ	14	
1.2	Đo đạc công trình	giờ	14	
2	Khảo sát địa chất	giờ	02.00	
2.1	Công tác lấy mẫu và phân tích mẫu	giờ	02.00	
1.1	Lấy mẫu	giờ	4	
1.2	Lấy mẫu nước	giờ	2	
1.3	Lấy mẫu cát	giờ	0	
1.4	Lấy mẫu sỏi	giờ	0	
1.5	Lấy mẫu sét	giờ	0	
1.6	Lấy mẫu đá	giờ	0	
1.7	Lấy mẫu đất	giờ	0	
1.8	Lấy mẫu nước	giờ	0	
1.9	Lấy mẫu cát	giờ	0	
1.10	Lấy mẫu sỏi	giờ	0	
1.11	Lấy mẫu sét	giờ	0	
1.12	Lấy mẫu đá	giờ	0	
1.13	Lấy mẫu đất	giờ	0	
1.14	Lấy mẫu nước	giờ	0	
1.15	Lấy mẫu cát	giờ	0	
1.16	Lấy mẫu sỏi	giờ	0	
1.17	Lấy mẫu sét	giờ	0	
1.18	Lấy mẫu đá	giờ	0	
1.19	Lấy mẫu đất	giờ	0	
1.20	Lấy mẫu nước	giờ	0	
1.21	Lấy mẫu cát	giờ	0	
1.22	Lấy mẫu sỏi	giờ	0	
1.23	Lấy mẫu sét	giờ	0	
1.24	Lấy mẫu đá	giờ	0	
1.25	Lấy mẫu đất	giờ	0	
1.26	Lấy mẫu nước	giờ	0	
1.27	Lấy mẫu cát	giờ	0	
1.28	Lấy mẫu sỏi	giờ	0	
1.29	Lấy mẫu sét	giờ	0	
1.30	Lấy mẫu đá	giờ	0	
1.31	Lấy mẫu đất	giờ	0	
1.32	Lấy mẫu nước	giờ	0	
1.33	Lấy mẫu cát	giờ	0	
1.34	Lấy mẫu sỏi	giờ	0	
1.35	Lấy mẫu sét	giờ	0	
1.36	Lấy mẫu đá	giờ	0	
1.37	Lấy mẫu đất	giờ	0	
1.38	Lấy mẫu nước	giờ	0	
1.39	Lấy mẫu cát	giờ	0	
1.40	Lấy mẫu sỏi	giờ	0	
1.41	Lấy mẫu sét	giờ	0	
1.42	Lấy mẫu đá	giờ	0	
1.43	Lấy mẫu đất	giờ	0	
1.44	Lấy mẫu nước	giờ	0	
1.45	Lấy mẫu cát	giờ	0	
1.46	Lấy mẫu sỏi	giờ	0	
1.47	Lấy mẫu sét	giờ	0	
1.48	Lấy mẫu đá	giờ	0	
1.49	Lấy mẫu đất	giờ	0	
1.50	Lấy mẫu nước	giờ	0	
1.51	Lấy mẫu cát	giờ	0	
1.52	Lấy mẫu sỏi	giờ	0	
1.53	Lấy mẫu sét	giờ	0	
1.54	Lấy mẫu đá	giờ	0	
1.55	Lấy mẫu đất	giờ	0	
1.56	Lấy mẫu nước	giờ	0	
1.57	Lấy mẫu cát	giờ	0	
1.58	Lấy mẫu sỏi	giờ	0	
1.59	Lấy mẫu sét	giờ	0	
1.60	Lấy mẫu đá	giờ	0	
1.61	Lấy mẫu đất	giờ	0	
1.62	Lấy mẫu nước	giờ	0	
1.63	Lấy mẫu cát	giờ	0	
1.64	Lấy mẫu sỏi	giờ	0	
1.65	Lấy mẫu sét	giờ	0	
1.66	Lấy mẫu đá	giờ	0	
1.67	Lấy mẫu đất	giờ	0	
1.68	Lấy mẫu nước	giờ	0	
1.69	Lấy mẫu cát	giờ	0	
1.70	Lấy mẫu sỏi	giờ	0	
1.71	Lấy mẫu sét	giờ	0	
1.72	Lấy mẫu đá	giờ	0	
1.73	Lấy mẫu đất	giờ	0	
1.74	Lấy mẫu nước	giờ	0	
1.75	Lấy mẫu cát	giờ	0	
1.76	Lấy mẫu sỏi	giờ	0	
1.77	Lấy mẫu sét	giờ	0	
1.78	Lấy mẫu đá	giờ	0	
1.79	Lấy mẫu đất	giờ	0	
1.80	Lấy mẫu nước	giờ	0	
1.81	Lấy mẫu cát	giờ	0	
1.82	Lấy mẫu sỏi	giờ	0	
1.83	Lấy mẫu sét	giờ	0	
1.84	Lấy mẫu đá	giờ	0	
1.85	Lấy mẫu đất	giờ	0	
1.86	Lấy mẫu nước	giờ	0	
1.87	Lấy mẫu cát	giờ	0	
1.88	Lấy mẫu sỏi	giờ	0	
1.89	Lấy mẫu sét	giờ	0	
1.90	Lấy mẫu đá	giờ	0	
1.91	Lấy mẫu đất	giờ	0	
1.92	Lấy mẫu nước	giờ	0	
1.93	Lấy mẫu cát	giờ	0	
1.94	Lấy mẫu sỏi	giờ	0	
1.95	Lấy mẫu sét	giờ	0	
1.96	Lấy mẫu đá	giờ	0	
1.97	Lấy mẫu đất	giờ	0	
1.98	Lấy mẫu nước	giờ	0	
1.99	Lấy mẫu cát	giờ	0	
1.100	Lấy mẫu sỏi	giờ	0	